



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 06 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Thử Nghiệm – Ban Đảm Bảo Chất Lượng – Nhà Máy Sữa Dielac
Laboratory:	Laboratory – Quality Assurance Department – Dielac Dairy Factory
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Công Ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
Organization:	Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company (Vinamilk)
Số hiệu/ Code:	VILAS 186
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Sinh, Hóa
Field:	Biological, Chemical
Người quản lý:	Trần Văn Thi
Laboratory manager:	Tran Van Thi
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày /06/2025 đến ngày 03/07/2030
Địa chỉ:	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address:	10 Tan Trao, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Địa điểm:	Khu CN Biên Hòa I, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Location:	Bien Hoa Industrial Park, Hanoi Highway, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Viet Nam.
Điện thoại/ Tel:	0251 6256 555
Email:	tvthi@vinamilk.com.vn
Website:	www.vinamilk.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 186

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Sữa bột, sản phẩm sữa, bột dinh dưỡng ăn liền <i>Milk powder, dairy products, Instant cereal powder</i>	Phát hiện <i>Cronobacter</i> spp. <i>Detection of Cronobacter spp.</i>	eLOD ₅₀ : 1~3 CFU/10g	TCVN 7850:2018 (ISO 22964:2017)
2.	Sữa bột, bột dinh dưỡng ăn liền <i>Milk powder, Instant cereal powder</i>	Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms Colony – count technique</i>		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3.		Định lượng vi sinh vật tổng số Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C <i>Enumeration of microorganisms Colony – count technique at 30⁰C</i>		TCVN 4884-1:2015 ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022
4.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD ₅₀ : 1~2 CFU/10g	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020
5.		Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) Phương pháp sử dụng môi trường thạch Baird-Parker <i>Enumeration of coagulase-positive Staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) Method using Baird-Parker agar medium</i>		ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023
6.		Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C. <i>Enumeration of presumptive Bacillus cereus. Colony – count technique at 30⁰C</i>		TCVN 4992:2005 ISO 7932:2004/ Amd 1:2020
7.		Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Clostridium perfringens Colony – count technique</i>		ISO 15213-2:2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 186

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
8.	Sữa bột, bột dinh dưỡng ăn liền <i>Milk powder, Instant cereal powder</i>	Định lượng đơn vị hình thành khuẩn lạc từ nấm men và nấm mốc. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 25°C. <i>Enumeration of colony-forming units of yeasts and moulds</i> <i>Colony – count technique at 25 °C</i>		TCVN 6265:2007 (ISO 6611:2004)
9.		Phát hiện <i>Enterobacteriaceae</i> <i>Detection of Enterobacteriaceae</i>	eLOD ₅₀ : 1~2 CFU/10g	ISO 21528-1:2017
10.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β-glucuronidase. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-chloro-3-indolyl-β-D- glucuronide. <i>Enumeration of β-glucuronidase positive Escherichia coli</i> <i>Colony – count technique at 44°C using 5- bromo-4-chloro-3-indolyl-β-D- glucuronide.</i>		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
11.		Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Enterobacteriaceae</i> <i>Colony – count technique</i>		ISO 21528-2:2017
12.		Định lượng tổng vi sinh vật hiếu khí Phương pháp sử dụng đĩa đếm petrifilm™ <i>Enumeration of aerobic plate count</i> <i>Method using petrifilm™ count plate</i>		TCVN 9977:2013 AOAC 990.12
13.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. Phương pháp sinh học phân tử (MDA) <i>Detection of Salmonella spp.</i> <i>Molecular Detection Assay (MDA)</i> <i>method</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/10g	AOAC 2016.01
14.		Phát hiện <i>Cronobacter</i> spp. Phương pháp sinh học phân tử (MDA) <i>Detection of Cronobacter spp.</i> <i>Molecular Detection Assay (MDA)</i> <i>Cronobacter method</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/10g	AOAC 2018.01
15.	Sữa bột <i>Milk powder</i>	Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Phương pháp sử dụng đĩa đếm petrifilm™ <i>Enumeration of Enterobacteriaceae</i> <i>Method using petrifilm™ count plate</i>		TCVN 9980:2013 AOAC 2003.01

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 186**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
16.	Sữa bột <i>Milk powder</i>	Định lượng <i>Coliforms</i> và <i>Escherichia coli</i> Phương pháp sử dụng đĩa đếm petrifilm™ <i>Enumeration of Coliforms and Escherichia coli</i> Method using petrifilm™ count plate		TCVN 9975:2013 AOAC 991.14

Chú thích / Note:

- ISO: *International Organization for Standardization*
- AOAC: *Association of Official Agricultural Chemists*
- Ref: Phương pháp tham khảo/ *Reference method*
- Amd: bản bổ sung/*Amendment*
- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/*Vietnamese National Standards*
- eLOD₅₀: *estimated LOD₅₀*

Trường hợp Công Ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công Ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company (Vinamilk) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 186****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Sữa bột, bột dinh dưỡng ăn liền <i>Milk powder, Instant nutritional powder</i>	Xác định hàm lượng ẩm <i>Determination of moisture content</i>	0.5 %	GD-QA.HL-03:2019 (Ref. FAO FNP 14/7, page 205:1986)
2.		Xác định hàm lượng béo Phương pháp khối lượng <i>Determination of fat content Gravimetric method</i>	0.2 %	GD-QA.HL-07:2019 (Ref. TVCN 7084:2010)
3.	Sữa bột <i>Milk powder</i>	Xác định hàm lượng Nitơ Phương pháp Kjeldahl <i>Determination of nitrogen content Kjeldahl method</i>	1 %	GD-QA.HL-06:2023 (Ref. TCVN 8099-1:2015 ISO 8968-1:2014)
4.		Xác định hàm lượng tro <i>Determination of ash content</i>	1 %	GD-QA.HL-14:2022 (Ref. AOAC 930.30)
5.		Xác định chỉ số không hòa tan <i>Determination of insolubility index</i>	0.1 mL/50 mL	WD-QA.HL-03:2017 (Ref. TCVN 6511:2007 ISO 8156:2005)
6.		Xác định độ axit chuẩn độ <i>Determination of titratable acidity</i>	0.01 %	WD-QA.HL-02:2016 (Ref. TCVN 8079:2013 ISO 6091:2010)
7.	Bột dinh dưỡng ăn liền <i>Instant nutritional powder</i>	Xác định hàm lượng Nitơ Phương pháp Kjeldahl <i>Determination of nitrogen content Kjeldahl method</i>	1 %	GD-QA.HL-05:2019 (Ref. TCVN 8125:2015 ISO 20483:2013)
8.		Xác định hàm lượng tro <i>Determination of ash content</i>	1 %	GD-QA.HL-14:2022 (Ref. AOAC 923.03)

Chú thích /Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/*Vietnamese National Standards*
- ISO: *The International Organization for Standardization.*
- GD-QA.HL., WD-QA.HL.: phương pháp phát triển bởi PTN/*laboratory' developed method*
- Ref.: phương pháp tham khảo/*reference method*

Trường hợp Công Ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công Ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company (Vinamilk) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*